

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 4 – 2022
V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1986. Địa chỉ: Hộ khẩu tại ấp T.Pg, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tạm trú tại số 106, đường T.U, khóm 4, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh Trang Quốc K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Hộ khẩu tại ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tạm trú số 16, đường U, khóm 4, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022, biên bản hòa giải, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trang Quốc K chung sống như vợ chồng từ năm 2015, có tổ chức gả cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trang Nhã H, sinh ngày 23/10/2016. Con chung hiện đang sống với anh K. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục giao con chung cho anh khai nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hòa giải, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn anh Trang Quốc K trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Ng trình bày. Anh và chị Ng không đăng ký kết hôn. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trang Nhã H, sinh ngày 23/10/2016. Con chung hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh thống nhất yêu cầu của chị Ng, anh có trách nhiệm tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Nguyễn Hồng Nghi và anh Trang Quốc K chung sống với nhau vào năm 2015, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Chị Ng yêu cầu ly hôn với anh K. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh K chung sống có tổ chức cưới gả theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn với anh K, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa chị Ng và anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Trang Nhã H, sinh ngày 23/10/2016. Con chung hiện đang sống với anh . Khi ly hôn, anh chị thống nhất tiếp tục giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh K thống nhất xác định tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án phân chia. Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của anh, chị. Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề này.

Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của chị Nguyễn Hồng Ng và anh Trang Quốc K là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Trang Nhã H, sinh ngày 23/10/2016 cho anh Trang Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Hồng Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Hồng Ng phải nộp. Ngày 25/3/2022 chị Nguyễn Hồng Ng đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0001073 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Phan Thị Thu